TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 90/2018/HNGĐ-ST Ngày: 18-9-2018 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hoài Yên.

Bà Phạm Kim Cương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Võ Thúy Nhị - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2018/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2018, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lâm Thanh T, sinh năm 1983 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã M, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Bà Huỳnh Tuyết Tr, sinh năm 1983 (Có mặt).

Nơi ĐKHKTT: Ấp Đ, xã M, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nơi cư trú hiện nay: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Đỗ Thị B, sinh năm 1961 (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị B: Ông Lâm Thanh H, sinh năm 1957 (Theo văn bản ủy quyền ngày 17/8/2018).

- Ông Lâm Thanh H, sinh năm 1957 (Có mặt).

Cùng cư trú: Ấp Đ, xã M, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Ông Nguyễn Minh P, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Phú T, xã M, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện T, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ: Ấp V, thị trấn V, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện: Ông Trần Thanh T - Chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2018 cùng các văn bản khác và tại phiên tòa, ông Lâm Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2004, ông và bà Huỳnh Tuyết Tr chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến tranh cải, ông và bà Huỳnh Tuyết Tr không còn sống chung từ năm 2015 cho đến nay, xét thấy không có khả năng tự hòa giải, hàn gắn nên ông yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Tuyết Tr. Về con chung: Có 02 người tên là Lâm Khả B (giới tính nữ), sinh ngày 06/9/2005 và Lâm Nhả B (giới tính nữ), sinh ngày 31/12/2008. Hiện cả hai người con chung đang do bà Huỳnh Tuyết Tr trực tiếp nuôi dưỡng, ông yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai người con chung, không yêu cầu bà Huỳnh Tuyết Tr cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại buổi hòa giải ngày 19/3/2018, về hôn nhân ông Lâm Thanh T và bà Huỳnh Tuyết Tr thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn. Về con chung, ông Lâm Thanh T và bà Huỳnh Tuyết Tr thống nhất thỏa thuận giao cả hai người con chung tên là Lâm Khả B (giới tính nữ), sinh ngày 06/9/2005 và Lâm Nhả B (giới tính nữ), sinh ngày 31/12/2008 cho bà Huỳnh Tuyết Tr nuôi dưỡng, ông Lâm Thanh T cấp dưỡng với mức cấp dưỡng là 650.000 đồng/01 tháng/01 người con, cấp hàng quý. Tài sản chung và nợ chung ông Lâm Thanh T và bà Huỳnh Tuyết Tr thống nhất không có.

Ngày 04/4/2018 Tòa án tiến hành hòa giải vụ án, ông Lâm Thanh T trình bày: Về hôn nhân, về tài sản chung, về con chung và mức cấp dưỡng cũng như hình thức cấp dưỡng ông vẫn giữ y nội dung trình bày tại biên bản hòa giải ngày 19/3/2018 tại Tòa án. Riêng về nợ chung, ông thay đổi nội dung trình bày tại biên bản hòa giải ngày 19/3/2018 cụ thể như sau:

Từ khi kết hôn và chung sống với bà Huỳnh Tuyết Tr thì do ông là con trai duy nhất (còn lại là các chị em gái đã có gia đình ở riêng) nên ở cùng với cha mẹ, hàng ngày sinh hoạt gia đình thì ông có đặt lú dưới sông kiếm thêm thu nhập. Do

cha mẹ thấy việc đặt lú vất vả nên cha mẹ có cho mượn đất để nuôi tôm công nghiệp cách nay khoảng 4 năm. Việc nuôi tôm công nghiệp là do ông tự nuôi, cha mẹ chỉ cho mượn đất nuôi tôm. Vốn là do ông nhờ cha ruột là ông Lâm Thanh H vay dùm, việc này bà Tr biết. Quá trình nuôi tôm công nghiệp bà Tr có biết. Ông là người trực tiếp nuôi tôm, bà Tr không có ra vào trông coi nên ông không có bàn bạc gì với bà Tr.

Vào năm 2004 ông có nhờ cha ruột vay vốn để nuôi tôm, vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện T (phòng giao dịch Đ - xã T), vay trả nhiều lần. Tính đến nay còn nợ lại số tiền là 115.000.000 đồng.

Trong quá trình nuôi tôm, có nợ tiền thức ăn và thuốc xử lý của ông Nguyễn Minh P thuộc ấp Phú T, xã M, huyện T, tỉnh Cà Mau tính đến nay còn nợ số tiền là 686.142.000 đồng. Sinh hoạt hàng ngày như ăn uống thì ăn chung, làm kiếm thu nhập thì lấy riêng. Về yêu cầu hỗ trợ công sức đóng góp của bà Tr ông không đồng. Đối với khoản nợ chung của Ngân hàng và ông Nguyễn Minh P, ông yêu cầu bà Huỳnh Tuyết Tr có trách nhiệm chia đôi trả.

Tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bà Huỳnh Tuyết Tr trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông Lâm Thanh T về thời gian chung sống và việc có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng như mâu thuẫn và thời gian không còn sống chung. Nay bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Lâm Thanh T. Con chung có hai người tên là Lâm Khả B và Lâm Nhả B đúng như ông Lâm Thanh T đã khai. Bà yêu cầu nuôi dưỡng cả hai người con chung và yêu cầu ông Lâm Thanh T cấp dưỡng mỗi người con là 650.000 đồng/tháng/01 người con, cấp hàng quý. Tài sản chung và nợ chung là không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với khoản nợ Ngân hàng và khoản nợ của ông Nguyễn Minh P bà không biết bởi bà xác định từ năm 2004 đến năm 2009 gia đình bên chồng nuôi tôm quản canh, mức thu nhập như thế nào bà không biết. Bà biết được gia đình nuôi tôm công nghiệp cách nay khoảng 04 (bốn) năm, từ khi nuôi đến nay việc trúng tôm thì ít, nhưng khi tính khoản tiền trúng thì thu được nhiều tiền, nuôi không đạt thì nhiều.

Ngày 21/3/2018, bà Huỳnh Tuyết Tr khởi kiện yêu cầu ông Lâm Thanh T, ông Lâm Thanh H và bà Đỗ Thị B hỗ trợ cho bà công sức đóng góp trong khoảng thời gian làm dâu từ năm 2004 đến nay với số tiền là 140.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Huỳnh Tuyết Tr thống nhất rút lại nội dung yêu cầu ông Lâm Thanh T, ông Lâm Thanh H và bà Đỗ Thị B về yêu cầu hỗ trợ công sức đóng góp với số tiền là 140.000.000 đồng. Đồng thời, bà Huỳnh Tuyết Tr không yêu cầu ông Lâm Thanh T cấp dưỡng nuôi con đối với hai người con chung. Bà tự nguyện rút lại các yêu cầu này.

Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa, ông Lâm Thanh H trình bày:

Ngày 21/02/2004, ông cưới vợ cho con trai là Lâm Thanh T (vợ Lâm Thanh T là Huỳnh Tuyết Tr). Quá trình làm dâu thì vợ chồng T, Tr làm riêng mà ăn chung nhà với ông. Ông T thì đặt lú dưới sông kiếm thêm thu nhập, thấy vậy nên ông có cho vợ chồng T mượn đất để nuôi tôm công nghiệp. Việc nuôi tôm công nghiệp là do T tự nuôi, ông không có hùn hạp tham gia. Từ trước đến nay vợ chồng ông T sống cùng với vợ chồng ông thì việc chi tiêu sinh hoạt trong gia đình đều do vợ chồng ông chi xuất. Đồng thời việc học hành của các cháu (con vợ chồng T, Tr) cũng đều do ông chi xuất (như đóng học phí, mua bảo hiểm). Còn việc bệnh có khi điều trị riêng thì có. Ông T nuôi tôm có trúng, nhưng thất thì nhiều. Quá trình nuôi tôm, ông thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên để vay vốn dùm cho ông T. Khi T bỏ nhà đi, ông mới bỏ vốn nuôi riêng do đầm bỏ trống. Quá trình sinh sống cùng với gia đình, vợ chồng ông có cho ông T, bà Tr buôn bán nhỏ (bán tạp hóa) để kiếm tiền chi tiêu riêng. Khi bà T bỏ về bên cha mẹ ruột thì bà Tr có quay về nhà bên chồng lấy đi các tài sản vật dụng mà vợ chồng bà Tr đã mua sắm trước đó khi ở chung. Ông khẳng định quá trình sinh sống, toàn bộ chi tiêu sinh hoạt gia đình đều do vợ chồng ông chi xuất, bà Tr không có đóng góp gì trong việc sinh hoạt gia đình từ trước đến nay. Đồng thời từ khi ông T và bà Tr cưới nhau ở chung với vợ chồng ông, bà Tr không có đóng góp công sức gì, cũng không có công sức tôn tạo gì đối với tài sản hiện có của gia đình ông. Vì vậy, ông không đồng ý hỗ trợ công sức đóng góp theo toàn bộ yêu cầu của bà Huỳnh Tuyết Tr.

Bà Đỗ Thị B ủy quyền cho ông Lâm Thanh H tham gia tố tụng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 12/7/2018, ông Nguyễn Minh P trình bày:

Vào khoảng năm 2010, ông có thực hiện hợp đồng mua bán thuốc, thức ăn tôm công nghiệp với ông Lâm Thanh T. Qua thời gian giao dịch mua bán thì ông T là người trực tiếp giao dịch với ông. Khi ông T mua thì bà Huỳnh Tuyết Tr cũng thỉnh thoảng có đến gặp ông để nhận thuốc, thức ăn tôm. Ông và ông T đã đối chiếu chốt lại khoản nợ, ông T còn nợ ông số tiền mua bán thuốc, thức ăn tôm công nghiệp là 686.142.000 đồng. Hiện tại, ông không yêu cầu ông T trả tiền cho ông trong vụ án này mà yêu cầu được tự thỏa thuận với ông T. Nếu giữa các bên có phát sinh tranh chấp, ông sẽ yêu cầu khởi kiện bằng vụ án khác. Đồng thời ông yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện T, tỉnh Cà Mau có văn bản trình bày ý kiến như sau:

Ngày 20/8/2018, ông Lâm Thanh H (cha của ông Lâm Thanh T) thực hiện hợp đồng vay với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện T, tỉnh Cà Mau số tiền 125.000.000 đồng (theo hợp đồng tín dụng ngày 29/8/2018), hạn trả cuối cùng là ngày 29/8/2020, tính đến ngày 19/9/2018 tiền lãi phát sinh là 486.473 đồng. Số tiền vay trên ông Lâm Thanh H đảm bảo bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C329447 với diện tích 22.460m^2. Hiện nay ông Lâm Thanh H

không vi phạm đối với các điều khoản trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện T, tỉnh Cà Mau. Đối với phần nợ của ông Lâm Thanh H, Ngân hàng chưa có yêu cầu khởi kiện ông Lâm Thanh H. Đồng thời đại diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện T, tỉnh Cà Mau yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lâm Thanh T; về con chung, ghi nhận sự tự nguyện của ông Lâm Thanh T về việc ông T thống nhất cấp dưỡng nuôi con đối với 02 người con chung, mức cấp dưỡng là 650.000 đồng/01 tháng/01 người con, việc cấp dưỡng thực hiện hàng quý; về tài sản chung không xem xét; về nợ chung do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Minh P, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện T không có yêu cầu nên không đặt xem xét. Đình chỉ xét xử đối với việc rút yêu cầu của bà Huỳnh Tuyết Tr về yêu cầu ông Lâm Thanh T, ông Lâm Thanh H và bà Đỗ Thị B về hỗ trợ công sức đóng góp với số tiền là 140.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Ông Lâm Thanh T yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Tuyết Tr nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Ông Nguyễn Minh P, đại diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối ông Nguyễn Minh P, đại diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện T là có căn cứ. Đối với bà Đỗ Thị B vắng mặt, tuy nhiên bà B có ủy quyền cho ông Lâm Thanh H tham gia tố tụng. Việc ủy quyền là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Đại diện Ban nhân dân ấp Đ xác định việc phát sinh mâu thuẫn ly hôn một phần là do ông T có thời gian bỏ gia đình đi đâu không rõ (khoảng hơn 01 năm), khi trở về địa phương vợ chồng ông T, bà Tr tiếp tục chung sống thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc ông T yêu cầu ly hôn.

Xét về hôn nhân, ông Lâm Thanh T xác định giữa ông và bà Huỳnh Tuyết Tr chung sống với nhau từ năm 2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Cà Mau. Việc kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, hôn nhân giữa ông T và bà Tr được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Về mâu thuẫn, cả hai thống nhất xác định trong quá trình chung

sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến cự cải và không còn sống chung từ năm 2015 cho đến nay mà không thể hòa giải, hàn gắn. Ông T yêu cầu ly hôn với bà Tr, bà Tr đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T. Xét thấy, có cơ sở để chấp nhận cho ông Lâm Thanh T ly hôn với bà Huỳnh Tuyết Tr.

[4] Về con chung, ông T và bà Tr thống nhất xác định có 02 người là Lâm Khả B (giới tính nữ), sinh ngày 06/9/2005 và Lâm Nhả B (giới tính nữ), sinh ngày 31/12/2008. Hiện cả hai người con chung đang do bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Giữa ông T và bà Tr thống nhất thỏa thuận là giao cả hai người con chung cho bà Huỳnh Tuyết Tr nuôi dưỡng, ông Lâm Thanh T cấp dưỡng với mức cấp dưỡng là 650.000 đồng/tháng/01 người con, việc cấp dưỡng được thực hiện cấp hàng quý. Tại phiên tòa, bà Huỳnh Tuyết Tr không yêu cầu cấp dưỡng, ông Lâm Thanh T tự nguyện cấp dưỡng nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Lâm Thanh T. Việc thỏa thuận người nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của những người con chưa đủ 18 tuổi nên có cơ sở để công nhận sự thỏa thuận này.

[5] Về tài sản chung: Qua nhiều lần hòa giải, giữa ông T và bà Tr thống nhất tự thỏa thuận về tài sản chung, không có yêu cầu hay tranh chấp nên không đặt ra giải quyết là phù hợp.

[6]. Về nợ chung: Ông Lâm Thanh T cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng ông được cha mẹ ruột ông cho mượn đất để nuôi tôm công nghiệp. Quá trình nuôi tôm, do không có vốn đầu tư cải tạo ao nuôi nên vào năm 2004 ông T có nhờ cha ruột là ông Lâm Thanh H vay vốn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện T (phòng giao dịch Đ - xã T), việc vay vốn là do ông H thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông H đứng tên, quá trình vay và trả nhiều lần. Tính đến nay còn nợ lại số tiền là 115.000.000 đồng. Trong quá trình nuôi tôm công nghiệp, có nợ tiền thức ăn và thuốc xử lý của ông Nguyễn Minh P số tiền là 686.142.000 đồng. Đối với hai khoản nợ này, ông T yêu cầu bà Tr cùng có trách nhiệm chia đôi để trả. Bà Huỳnh Tuyết Tr cho rằng trong khoản thời gian từ năm 2004 đến năm 2009, gia đình chồng có nuôi tôm quản canh, khoảng 4 năm trở lại đây thì có nuôi tôm công nghiệp. Tuy nhiên bà cho rằng việc nuôi tôm công nghiệp là do cha mẹ chồng thực hiện. Việc nuôi tôm, phát sinh những khoản nợ theo ông T trình bày bà không biết đến.

Đối với khoản nợ của ông Nguyễn Minh P, ông Phải xác định vào khoảng thời gian năm 2010, ông có thực hiện hợp đồng mua bán thuốc, thức ăn tôm công nghiệp với ông Lâm Thanh T. Ông T là người trực tiếp giao dịch với ông, thỉnh thoảng bà Tr có đến gặp ông để nhận thuốc, thức ăn tôm. Qua đối chiếu, ông T còn nợ số tiền là 686.142.000 đồng.

Về khoản nợ Ngân hàng nông nghiệp, ông T cho rằng khoản nợ này khoản nợ chung giữa ông và bà Tr, tuy nhiên phía đại diện Ngân hàng xác định ngày 20/8/2018, ông Lâm Thanh H (cha của ông T) thực hiện hợp đồng vay số tiền

125.000.000 đồng (theo hợp đồng tín dụng ngày 29/8/2018), hạn trả cuối cùng là ngày 29/8/2020, tính đến ngày 19/9/2018 tiền lãi phát sinh là 486.473 đồng. Số tiền vay trên ông H đảm bảo bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C329447 với diện tích 22.460m^2. Hiện nay ông H không vi phạm đối với các điều khoản trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng, không liên quan đến ông T, bà Tr; đồng thời Ngân hàng chưa có nhu cầu khởi kiện với ông H mà để các bên tự thỏa thuận thanh toán.

Từ những ý kiến trình bày nêu trên, có đủ cơ sở xác định khoản nợ mà ông T nợ của ông P, ông P yêu cầu được tự thỏa thuận với ông T. Khoản nợ Ngân hàng mà ông T trình bày khoản nợ chung của ông và bà Tr thì Ngân hàng xác định là khoản nợ do ông H thực hiện việc thế chấp vay nợ Ngân hàng, không có liên quan đến ông T và bà Tr, Ngân hàng không khởi kiện, yêu cầu tự thỏa thuận thanh toán vớ ông H. Do các bên không tranh chấp, không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Các vấn đề phát sinh từ nợ chung, nếu phát sinh tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện theo thủ tục chung. Do đó, không có cơ sở xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông T về việc yêu cầu chia khoản nợ chung đối với bà Huỳnh Tuyết Tr.

[7]. Đối với yêu cầu của bà Huỳnh Tuyết Tr về hỗ trợ công sức đóng góp trong khoảng thời gian làm dâu từ năm 2004 đến nay đối với ông Lâm Thanh T, ông Lâm Thanh H và bà Đỗ Thị B với số tiền là 140.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà Huỳnh Tuyết Tr tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu này nên Hội đồng xét xử xem xét quyết định đình chỉ yêu cầu này xét thấy là phù hợp.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, án phí về cấp dưỡng nuôi con ông Lâm Thanh T chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 219 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông Lâm Thanh T ly hôn với bà Huỳnh Tuyết Tr.

2. Về con chung, ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Lâm Thanh T và bà Huỳnh Tuyết Tr, sự thỏa thuận cụ thể như sau:

- Giao Lâm Khả B (giới tính nữ), sinh ngày 06/9/2005 và Lâm Nhả B (giới tính nữ), sinh ngày 31/12/2008 cho bà Huỳnh Tuyết Tr tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

- Ông Lâm Thanh T thống nhất tự nguyện cấp dưỡng với mức cấp dưỡng là 650.000 đồng/01 tháng/01 người con, cấp hàng quý. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 18/9/2018. Việc cấp dưỡng được thực hiện cho đến khi Lâm Khả B và Lâm Nhả B đủ 18 tuổi, có khả năng tự lao động sinh sống.

Ông Lâm Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Giữa ông Lâm Thanh T và bà Huỳnh Tuyết Tr tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu nên không xử lý.

4. Về nợ chung: Không chấp nhận yêu cầu của ông Lâm Thanh T về việc ông Lâm Thanh T yêu cầu bà Huỳnh Tuyết Tr chia đôi nợ chung đối với số tiền nợ của ông Nguyễn Minh P và số tiền nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện T, tỉnh Cà Mau.

5. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Huỳnh Tuyết Tr về yêu cầu ông Lâm Thanh T, ông Lâm Thanh H và bà Đỗ Thị B hỗ trợ công sức đóng góp trong khoảng thời gian làm dâu từ năm 2004 đến nay với số tiền là 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng).

6. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Lâm Thanh T thống nhất tự nguyện cấp dưỡng như sau: Ông Lâm Thanh T tự nguyện cấp dưỡng với mức cấp dưỡng là 650.000 đồng/tháng/01 người con. Cụ thể, việc cấp dưỡng thực hiện đối với hai người con chung là Lâm Khả B và Lâm Nhả B như sau: 650.000 đồng x 02 người con = 1.300.000 đồng.

Việc cấp dưỡng được thực hiện hàng quý.

Trường hợp bên có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

7. Về án phí:

7.1. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lâm Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Lâm Thanh T đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006947, ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, nay chuyển thu.

7.2. Về án phí cấp dưỡng: Ông Lâm Thanh T phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền này ông Lâm Thanh T chưa nộp.

7.3 Do đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Huỳnh Tuyết Tr, nên số tiền tạm ứng án phí do bà Huỳnh Tuyết Tr đã nộp số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006967, ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, nay hoàn lại. Bà Huỳnh Tuyết Tr được quyền nhận lại toàn bộ số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Phòng KTNV&THA;
- UBND xã M, huyện T;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Phước